

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 344/2021/DII

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 8 năm 2021

V/v: Giải trình các nội dung thay đổi trước và sau
khi phát hành lại BCTC Riêng lẻ và Hợp nhất
năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý 1
năm 2021 đơn vị tự lập

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)

Căn cứ các Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, năm 2020 kiểm toán, quý I/2021 tự lập đã phát hành (Báo cáo tài chính trước phát hành lại):

- ✓ Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2019 kiểm toán số 388/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 30/03/2020.
- ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 kiểm toán số 389/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 30/03/2020
- ✓ Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020 kiểm toán số 393/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021
- ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 kiểm toán số 394/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021
- ✓ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý I/2021 do Công ty phát hành ngày 15/04/2021

Căn cứ các Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, năm 2020 kiểm toán, quý I/2021 tự lập phát hành lại (Báo cáo tài chính phát hành lại):

- ✓ Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2019 kiểm toán số 473/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021.
- ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 kiểm toán số 474/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021
- ✓ Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020 kiểm toán số 475/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021
- ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 kiểm toán số 476/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021
- ✓ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý I/2021 do Công ty phát hành lại ngày 02/07/2021

Công ty xin giải trình rõ hơn các nội dung thay đổi trước và sau khi phát hành lại Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, quý I/2021 như sau:

I. Điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Báo cáo tài chính trước phát hành lại tại các thuyết minh của Báo cáo tài chính phát hành lại:

1. Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng phải nộp và đã nộp tại thuyết minh V.16 – thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

- Do đơn vị ghi nhận nhầm lẫn số thuế phát sinh phải nộp tương ứng với số thuế đầu vào, số thuế đã nộp trong kỳ tương ứng với số thuế đầu ra, số liệu thuế phải nộp/đã nộp trong thuyết minh V.16 trình bày tại các báo cáo tài chính trước phát hành lại là chưa chính xác. Bản chất số liệu thuyết minh tại hai chỉ tiêu này là: Số thuế phát sinh phải nộp là khoản thuế đã được bù trừ giữa thuế đầu ra với thuế đầu vào; Số thuế phải nộp trong kỳ là số tiền thực tế đơn vị đã nộp trong kỳ. Vì vậy Công ty đã điều chỉnh lại số phát sinh tăng giảm tại thuyết minh trong các báo cáo tài chính phát hành lại, số dư đầu kỳ cuối kỳ của khoản mục này không bị ảnh hưởng.
- Số liệu phải nộp/đã nộp trong kỳ trước và sau phát hành lại BCTC các năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Thuế GTGT	BCTC trước phát hành lại		BCTC phát hành lại		Chênh lệch	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
BCTC riêng 2019	38.108.530.241	42.166.907.513	11.510.770.509	15.569.147.781	(26.597.759.732)	(26.597.759.732)
BCTC hợp nhất 2019	68,354,697,413	77,223,244,200	41,731,119,501	50,650,568,468	(26,623,577,912)	(26,623,577,912)
BCTC riêng 2020	54,510,953,285	48,641,596,533	22,207,846,287	16,338,489,535	(32,303,106,998)	(32,303,106,998)
BCTC hợp nhất 2020	89,005,043,363	83,749,793,531	56,701,936,365	51,446,686,533	(32,303,106,998)	(32,303,106,998)
BCTC riêng quý I/2021	8,136,175,173	13,583,940,626	1,617,179,240	7,064,944,693	(6,518,995,933)	(6,518,995,933)
BCTC hợp nhất quý I/2021	18,062,807,084	23,489,158,863	11,543,811,151	16,970,162,930	(6,518,995,933)	(6,518,995,933)

2. Điều chỉnh Thuyết minh VI.5 – Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2019 phát hành lại:

- Tại Báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2019 trước phát hành lại, trong thuyết minh VI.5 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, do sai sót khi phân loại chỉ tiêu, số liệu hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi và các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác chưa chính xác. Do đó, tại báo cáo tài chính phát hành lại, Công ty đã điều chỉnh chỉ tiêu tại

thuyết minh này. Việc điều chỉnh này không làm thay đổi tổng chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2019.

Chỉ tiêu	BCTC trước phát hành lại	BCTC phát hành lại	Chênh lệch
VI.05 – Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi	(2.189.243.495)	(2.209.643.495)	20.400.000
VI.05 – Các khoản chi phí quản lý DN khác	5.514.665.813	5.535.065.813	(20.400.000)

3. Bổ sung nội dung tại thuyết minh số VII.5 – Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2019 phát hành lại:

- Tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2019 phát hành lại, trong thuyết minh số VII.5: Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính, do lỗi trình bày, chúng tôi đã thuyết minh thiếu số liệu dự phòng đầu kỳ và cuối kỳ. Nay Công ty thuyết minh đầy đủ số liệu dự phòng cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

a) Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2019		01/01/2019		31/12/2019	01/01/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	812,490,759,442	-	3,157,627,456	-	812,490,759,442	3,157,627,456
Phải thu khách hàng	42,930,027,808	(11,035,892,482)	41,912,189,793	(12,415,723,784)	31,894,135,326	29,496,466,009
Trả trước cho người bán	575,712,943,344	(1,245,951,913)	2,574,133,995	(650,894,794)	574,466,991,431	1,923,239,201
Các khoản phải thu khác	445,279,097,844	(1,032,556,836)	41,292,724,145	(1,509,472,996)	444,246,541,008	39,783,251,149
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	376,232,381,816	-	91,283,120,000	-	376,232,381,816	91,283,120,000
Cộng	2,252,645,210,254	(13,314,401,231)	180,219,795,389	(14,576,091,574)	2,239,330,809,023	165,643,703,815

4. Bổ sung thuyết minh giao dịch các bên liên quan:

- Bổ sung thuyết minh giao dịch phát sinh với các đối tượng sau vào Phụ lục 1 – Giao dịch với bên liên quan:
 - + Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty mẹ
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T – Cổ đông lớn
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng miền Bắc – Cổ đông lớn
 - + Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch – Cổ đông lớn
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành – Cổ đông
 - + Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát – Cổ đông lớn
 - + Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng A2Z – Người có liên quan của ông Đỗ Văn Nam/ông Nguyễn Thanh Trang (Thành viên Hội đồng quản trị của HHV)

- + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam (Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả) – Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng (Chủ tịch Hội đồng quản trị của HHV)
- + Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả - Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang (Thành viên Hội đồng quản trị của HHV)
- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long – Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy (Tổng Giám đốc của HHV)
- + Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận – Người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, Hồ Minh Hoàng (Thành viên/Chủ tịch HĐQT của HHV).

II. Đính chính một số thông tin trên thuyết minh của Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, quý I/2021 phát hành lại:

1. Đính chính thuyết minh V.04 – Trả trước người bán ngắn hạn tại Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2019, năm 2020 phát hành lại:

- Cuối năm 2018 Công ty còn phải thu khoản trả trước cho Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu số tiền là 150.000.000 đồng, đã trích lập dự phòng 100%. Trong năm 2019 Công ty có phát sinh nghiệp vụ sửa chữa cần phải thanh toán số tiền: 17.711.000 đồng cho Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu. Thuyết minh V.04 đang trình bày dư nợ gốc khoản trả trước cho Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu là 132.289.000 đồng do lỗi sai sót khi nhập liệu, bù trừ hai khoản công nợ với nhau. Thực chất khoản trả trước này chưa được thu hồi, dư nợ gốc là 150.000.000 đồng. Do đó, Công ty đính chính lại việc trình bày khoản công nợ này tại Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2019, 2020 phát hành lại như sau:
- Trình bày trước đính chính:

ĐVT: đồng

BCTC riêng lẻ năm 2019	31/12/2019		01/01/2019	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	1,245,951,913	2,682,715,879	650,894,794	2,574,133,995
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	108,000,000	180,000,000	54,000,000	180,000,000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100	673,571,100	336,785,550	673,571,100
Công ty CP Pacific Dinco	20,300,000	20,300,000	6,090,000	20,300,000
Công Ty Cổ Phần Tổ Chức Sự Kiện Và Du Lịch Gala Việt		152,273,000		
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30,000,000	30,000,000		30,000,000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181,774,313	181,774,313	54,532,294	181,774,313
Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam		966,000,000		
Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu	150,000,000	132,289,000	150,000,000	150,000,000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2,475,000	2,475,000	1,237,500	2,475,000
Công ty CP Phúc Lộc Viên	2,331,500	2,331,500	699,450	2,331,500

Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	44,000,000	44,000,000	30,800,000	44,000,000
Lê Văn Luật	2,500,000	2,500,000	1,250,000	2,500,000
Trần Văn Tuyên	6,000,000	6,000,000	3,000,000	6,000,000
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng	25,000,000	25,000,000	12,500,000	25,000,000
Đối tượng khác		264,201,966		1,256,182,082
b) Dài hạn				
Cộng	1,245,951,913	2,682,715,879	650,894,794	2,574,133,995

ĐVT: đồng

BCTC riêng lẻ năm 2020	31/12/2020		01/01/2020	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	1,303,951,913	9,706,806,018	1,245,951,913	2,682,715,879
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180,000,000	180,000,000	108,000,000	180,000,000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100	673,571,100	673,571,100	673,571,100
Công ty CP Pacific Dinco	6,300,000	6,300,000	20,300,000	20,300,000
Công Ty Cổ Phần Tổ Chức Sự Kiện Và Du Lịch Gala Việt	-	-	-	152,273,000
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181,774,313	181,774,313	181,774,313	181,774,313
Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam	-	-	-	966,000,000
Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu	150,000,000	132,289,000	150,000,000	132,289,000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2,475,000	2,475,000	2,475,000	2,475,000
Công ty CP Phúc Lộc Viên	2,331,500	2,331,500	2,331,500	2,331,500
Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	44,000,000	44,000,000	44,000,000	44,000,000
Lê Văn Luật	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000
Trần Văn Tuyên	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn		6,500,000,000		
Công ty TNHH MTV Minh Đạt		200,000,000		
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic		250,000,000		
Đối tượng khác		1,470,565,105		264,201,966
b) Dài hạn				
Cộng	1,303,951,913	9,706,806,018	1,245,951,913	2,682,715,879

- Trình bày sau đính chính:

ĐVT: đồng

BCTC riêng lẻ năm 2019	31/12/2019		01/01/2019	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	1,245,951,913	2,682,715,879	650,894,794	2,574,133,995
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	108,000,000	180,000,000	54,000,000	180,000,000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100	673,571,100	336,785,550	673,571,100
Công ty CP Pacific Dinco	20,300,000	20,300,000	6,090,000	20,300,000
Công Ty Cổ Phần Tổ Chức Sự Kiện Và Du Lịch Gala Việt		152,273,000		
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30,000,000	30,000,000		30,000,000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181,774,313	181,774,313	54,532,294	181,774,313
Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam		966,000,000		
Hợp tác xã ô tô Liên Chiêu	150,000,000	150,000,000	150,000,000	150,000,000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2,475,000	2,475,000	1,237,500	2,475,000
Công ty CP Phúc Lộc Viên	2,331,500	2,331,500	699,450	2,331,500
Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	44,000,000	44,000,000	30,800,000	44,000,000
Lê Văn Luật	2,500,000	2,500,000	1,250,000	2,500,000
Trần Văn Tuyển	6,000,000	6,000,000	3,000,000	6,000,000
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng	25,000,000	25,000,000	12,500,000	25,000,000
Đối tượng khác		246,490,966		1,256,182,082
b) Dài hạn				
Cộng	1,245,951,913	2,682,715,879	650,894,794	2,574,133,995

ĐVT: đồng

BCTC riêng 2020	31/12/2020		01/01/2020	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	1,303,951,913	9,706,806,018	1,245,951,913	2,682,715,879
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180,000,000	180,000,000	108,000,000	180,000,000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100	673,571,100	673,571,100	673,571,100
Công ty CP Pacific Dinco	6,300,000	6,300,000	20,300,000	20,300,000
Công Ty Cổ Phần Tổ Chức Sự Kiện Và Du Lịch Gala Việt				152,273,000
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000

Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181,774,313	181,774,313	181,774,313	181,774,313
Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam				966,000,000
Hợp tác xã ô tô Liên Chiêu	150,000,000	150,000,000	150,000,000	150,000,000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2,475,000	2,475,000	2,475,000	2,475,000
Công ty CP Phúc Lộc Viên	2,331,500	2,331,500	2,331,500	2,331,500
Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	44,000,000	44,000,000	44,000,000	44,000,000
Lê Văn Luật	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000
Trần Văn Tuyền	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn		6,500,000,000		
Công ty TNHH MTV Minh Đạt		200,000,000		
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic		250,000,000		
Đối tượng khác		1,452,854,105		246,490,966
b) Dài hạn				
Cộng	1,303,951,913	9,706,806,018	1,245,951,913	2,682,715,879

2. Đính chính thuyết minh V.07 – Nợ xấu tại Báo cáo tài chính phát hành lại (thuyết minh V.06 tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 phát hành lại):

2.1. Thay đổi tổng giá gốc nợ xấu và giá trị có thể thu hồi so với báo cáo trước phát hành lại:

- Tại báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020, báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý I/2021 do Công ty tự lập trước phát hành lại, do lỗi nhập liệu, chúng tôi đã đưa khoản phải thu của CTCP Sông Đà 10 (5.082.418.376 đồng) và một số khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên vào dư nợ xấu trong khi các khoản này thực chất không phải là nợ xấu (các khoản công nợ này chưa đến hạn thanh toán/có khả năng thu hồi được). Vì vậy, tại báo cáo tài chính phát hành lại, chúng tôi đã đưa các khoản này ra khỏi nợ xấu và làm giảm dư nợ xấu tại thuyết minh V.07 (thuyết minh V.06 tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 phát hành lại). Việc điều chỉnh này không làm thay đổi giá trị trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi các năm.

2.2. Đính chính thuyết minh V.07 - Nợ xấu tại Báo cáo tài chính phát hành lại (thuyết minh V.06 tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 phát hành lại):

- Số liệu giá gốc nợ xấu, giá trị có thể thu hồi trình bày tại thuyết minh Nợ xấu trên báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ của mỗi năm tài chính là giống nhau. Tuy nhiên do sai sót khi nhập liệu, Công ty đang trình bày sai thuyết minh này trên các

BCTC phát hành lại (có sự khác biệt giữa thuyết minh trình bày tại báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất). Vì vậy, Công ty đính chính trình bày thuyết minh V.07 - Nợ xấu tại Báo cáo tài chính phát hành lại các năm (thuyết minh V.06 tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 phát hành lại) như sau:

Thông tin trước đính chính:

Đơn vị: đồng

BCTC riêng năm 2019	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,623,660,494	1,309,259,263	16,004,788,911	1,428,697,337
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100		673,571,100	336,785,550
+ Đối tượng khác	5,390,946,332	1,309,259,263	6,772,074,749	1,091,911,787
Cộng	14,623,660,494	1,309,259,263	16,004,788,911	1,428,697,337

Đơn vị: đồng

BCTC hợp nhất năm 2019	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13,781,811,311	467,410,080	16,004,788,911	1,428,697,337
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Đối tượng khác	5,222,668,249	467,410,080	7,445,645,849	1,428,697,337
Cộng	13,781,811,311	467,410,080	16,004,788,911	1,428,697,337

Đơn vị: đồng

BCTC riêng năm 2020	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,555,660,494	1,183,259,263	14,623,660,494	1,309,259,263
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100	673,571,100	673,571,100	673,571,100

+ Đối tượng khác	5,322,946,332	509,688,163	5,390,946,332	635,688,163
Cộng	14,555,660,494	1,183,259,263	14,623,660,494	1,309,259,263

Đơn vị: đồng

BCTC hợp nhất năm 2020	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13,713,811,311	341,410,080	14,059,138,806	744,737,575
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đặc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100		673,571,100	
+ Đối tượng khác	4,481,097,149	341,410,080	4,826,424,644	744,737,575
Cộng	13,713,811,311	341,410,080	14,059,138,806	744,737,575

Đơn vị: đồng

BCTC quý I/2021 hợp nhất	31/03/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,067,138,806	744,737,575	14,117,138,806	744,737,575
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đặc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100		673,571,100	
+ Đối tượng khác	4,834,424,644	744,737,575	4,884,424,644	744,737,575
Cộng	14,067,138,806	744,737,575	14,117,138,806	744,737,575

Thông tin sau đính chính:

Đơn vị: đồng

Năm 2019 riêng và hợp nhất	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13,454,768,231	140,367,000	19,983,406,365	5,407,314,791
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đặc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100		673,571,100	336,785,550
+ Cục quản lý đường bộ III	837,818,000		837,818,000	

+ Đối tượng khác	3,384,236,069	140,367,000	9,912,874,203	5,070,529,241
Cộng	13,454,768,231	140,367,000	19,983,406,365	5,407,314,791

Đơn vị: đồng

Năm 2020 riêng và hợp nhất	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13,440,768,231	68,367,000	13,454,768,231	140,367,000
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đặc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100		673,571,100	
+ Cục quản lý đường bộ III	837,818,000		837,818,000	
+ Đối tượng khác	3,370,236,069	68,367,000	3,384,236,069	140,367,000
Cộng	13,440,768,231	68,367,000	13,454,768,231	140,367,000

Đơn vị: đồng

Quý I riêng và hợp nhất	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13,440,768,231	68,367,000	13,440,768,231	68,367,000
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5,159,490,529		5,159,490,529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đặc Lắc	3,399,652,533		3,399,652,533	
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673,571,100		673,571,100	
+ Cục quản lý đường bộ III	837,818,000		837,818,000	
+ Đối tượng khác	3,370,236,069	68,367,000	3,370,236,069	68,367,000
Cộng	13,440,768,231	68,367,000	13,440,768,231	68,367,000

3. **Đính chính thuyết minh VIII.08 - Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019:**

- Công ty chúng tôi đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ đối với mã số 216 – chỉ tiêu phải thu dài hạn khác. Tuy nhiên, do sai sót khi trình bày, trong mục 08: Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đang trình bày hồi tố chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác.
- Công ty đính chính lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2019 phát hành lại như sau:

Thông tin trước đính chính:

BCTC riêng lẻ/hợp nhất 2019	Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh 31/12/2018	Sau điều chỉnh 31/12/2018	Chênh lệch
TÀI SẢN	Phải thu ngắn hạn khác	136		96,640,000	96,640,000
NGUỒN VỐN	Cổ phiếu quỹ	415	(96,640,000)		96,640,000

Thông tin sau đính chính:

BCTC riêng lẻ/hợp nhất 2019	Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh 31/12/2018	Sau điều chỉnh 31/12/2018	Chênh lệch
TÀI SẢN	Phải thu dài hạn khác	216		96,640,000	96,640,000
NGUỒN VỐN	Cổ phiếu quỹ*	415	(96,640,000)		96,640,000

*Đây là thông tin điều chỉnh hồi tố số đầu kỳ trong BCTC năm 2019 riêng lẻ và hợp nhất phát hành lại.

4. Đính chính thuyết minh số VI.7 Thu nhập khác - số đầu kỳ tại BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 phát hành lại:

- Công ty đang trình bày sai số liệu đầu kỳ tại thuyết minh VI.7: Thu nhập khác. Số liệu trình bày lại của số đầu kỳ năm 2020 như sau.

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Trước đính chính năm 2019	Số đính chính năm 2019	Chênh lệch
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	0	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	240,286,039,705	240,272,146,605	(13,893,100)
Các khoản khác	92,264,221	106,157,321	13,893,100
Tổng cộng	240,378,303,926	240,378,303,926	-

5. Đính chính số liệu tại thuyết minh VII.5 – Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 phát hành lại:

- Tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 phát hành lại, trong thuyết minh số VII.5: Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính, do lỗi trình bày, số liệu dự phòng đầu kỳ và cuối kỳ chưa chính xác. Nay Công ty đính chính số liệu dự phòng và giá trị hợp lý của tài sản tài chính cụ thể như sau:

Số liệu trước đính chính:

Đơn vị: đồng

a) Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		01/01/2020		31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		

Tiền và các khoản tương đương tiền	276,956,612,840	-	812,490,759,442	-	276,956,612,840	812,490,759,442
Phải thu khách hàng	41,264,674,059	(13,372,401,231)	42,930,027,808	(13,314,401,231)	41,264,674,059	31,894,135,326
Trả trước cho người bán	366,991,300,016	-	575,712,943,344	-	366,991,300,016	574,466,991,431
Các khoản phải thu khác	429,271,174,391	-	445,279,097,844	-	429,271,174,391	444,246,541,008
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	456,987,446,758	-	376,232,381,816	-	456,987,446,758	376,232,381,816
Cộng	1,571,471,208,064	(13,372,401,231)	2,252,645,210,254	(13,314,401,231)	1,571,471,208,064	2,239,330,809,023

Số liệu sau đính chính:

Đơn vị: đồng

a) Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		01/01/2020		31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	276,956,612,840	-	812,490,759,442	-	276,956,612,840	812,490,759,442
Phải thu khách hàng	41,264,674,059	(11,035,892,482)	42,930,027,808	(11,035,892,482)	30,228,781,577	31,894,135,326
Trả trước cho người bán	366,991,300,016	(1,303,951,913)	575,712,943,344	(1,245,951,913)	365,687,348,103	574,466,991,431
Các khoản phải thu khác	429,271,174,391	(1,032,556,836)	445,279,097,844	(1,032,556,836)	428,238,617,555	444,246,541,008
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	456,987,446,758	-	376,232,381,816	-	456,987,446,758	376,232,381,816
Cộng	1,571,471,208,064	(13,372,401,231)	2,252,645,210,254	(13,314,401,231)	1,558,098,806,833	2,239,330,809,023

III. Trình bày lại một số chỉ tiêu tại bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính trước phát hành lại tại Báo cáo tài chính phát hành lại:

- Chúng tôi đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, quý I/2021 do một số chỉ tiêu đang bị phân loại sai, sai sót khi nhập liệu và trình bày. Các điều chỉnh này không làm thay đổi tổng tài sản/nguồn vốn, tổng lưu chuyển tiền thuần trong kỳ và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2019, 2020 và quý I/2021.
- Các số liệu trình bày lại trên báo cáo tài chính phát hành lại chi tiết theo Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 đính kèm công văn này.
- Ngoài những thay đổi nêu trên, BCTC cũng có một số thay đổi khác không trọng yếu đã được trình bày tại BCTC phát hành lại (BCTC riêng lẻ năm 2019 số 473/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021, BCTC hợp nhất năm 2019 số 474/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021, BCTC riêng lẻ năm 2020 số 475/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021, BCTC hợp nhất năm 2020 số

476/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 12/07/2021, BCTC riêng lẻ và hợp nhất quý I/2021 do Công ty phát hành lại ngày 02/07/2021)

IV. Thay đổi chính sách kế toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

Năm 2019, Công ty hạch toán chi phí lãi vay theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 như các doanh nghiệp thông thường.

Năm 2020, Công ty nhận thấy việc hạch toán chi phí theo chuẩn mực nêu trên không phản ánh đúng đặc thù của dự án BOT, khiến HHV ghi nhận kết quả kinh doanh không phù hợp với hiệu quả đầu tư dự án BOT. Theo đó, để báo cáo tài chính cung cấp thông tin đúng bản chất tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐQT ngày 20/03/2020 v/v chấp thuận thay đổi chính sách kế toán đối với chi phí lãi vay, áp dụng từ năm tài chính 2020. Thực hiện theo nghị quyết của HĐQT, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với chi phí lãi vay – tuân theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung ban hành kèm theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ tài chính từ năm tài chính 2020. Do thiếu sót trong việc trình bày báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 chưa thuyết minh về sự thay đổi chính sách kế toán trong kỳ.

Việc thay đổi chính sách kế toán ảnh hưởng đến chi phí lãi vay trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu trước thay đổi chính sách kế toán	Số liệu sau thay đổi chính sách kế toán	Chênh lệch
Chi phí lãi vay	1,783,144	480,298	(1,302,846)
Lãi treo chờ phân bổ	0	1,302,846	1,302,846

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS, TGD (để biết);
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Huy

PHỤ LỤC 1: TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TẠI BÁO CÁO RIÊNG LẺ NĂM 2019

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (01/01/2019)	Phát hành lại (01/01/2019)	Chênh lệch
216	Phải thu dài hạn khác		96.640.000	96.640.000
415	Cổ phiếu quỹ	(96.640.000)		(96.640.000)

2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (31/12/2019)	Phát hành lại (31/12/2019)	Chênh lệch
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(144.876.508.720)	(174.893.954.384)	(30.017.445.664)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	28.700.000.000	28.700.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(704.031.159)	613.414.505	1.317.445.664

PHỤ LỤC 2: TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TẠI BÁO CÁO HỢP NHẤT NĂM 2019

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (01/01/2019)	Phát hành lại (01/01/2019)	Chênh lệch
216	Phải thu dài hạn khác		96.640.000	96.640.000
415	Cổ phiếu quỹ	(96.640.000)		(96.640.000)

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (01/01/2019)	Phát hành lại (01/01/2019)	Chênh lệch
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.662	1.660	(2)
	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.662	1.660	(2)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (31/12/2019)	Phát hành lại (31/12/2019)	Chênh lệch
1	Lợi nhuận trước thuế	201.106.184.909	158.081.352.421	(43.024.832.488)
9	Tăng, giảm các khoản phải thu	107.095.234.527	121.548.600.237	14.453.365.710
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.225.002.871)	(1.353.536.093)	(128.533.222)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		28.700.000.000	28.700.000.000

PHỤ LỤC 3: TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TẠI BÁO CÁO RIÊNG LỄ NĂM 2020

1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (31/12/2019)	Phát hành lại (31/12/2019)	Chênh lệch
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(24.211.788.531)	(74.946.133.175)	(50.734.344.644)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.018.600.000)	632.624.644	1.651.224.644
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		49.083.120.000	49.083.120.000

PHỤ LỤC 4: TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TẠI BÁO CÁO HỢP NHẤT NĂM 2020

1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (31/12/2020)	Phát hành lại (31/12/2020)	Chênh lệch
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(270.120.903.140)	(319.204.023.140)	(49.083.120.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	49.083.120.000	49.083.120.000

PHỤ LỤC 5: TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TẠI BÁO CÁO HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2021

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Trước phát hành lại (năm nay)	Phát hành lại (năm nay)	Chênh lệch
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.332.920.427	59.332.920.427	-
60	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	42.006.800.580	50.669.860.503	(8.663.059.923)
60	19. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.326.119.847	8.663.059.924	8.663.059.923
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	157	190	(33)
	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	157	190	(33)

120.0
 T Y
 U H A
 I V A I
 T O A
 Đ A N
 M
 C H I

95 - C.T.C.P
 Y
 ẮNG
 V G
 Đ A M ẮNG

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Chúng tôi xác nhận các số liệu và thông tin giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đề cập tại công văn giải trình số ...~~344~~...../2021/DII ngày ~~18~~.../08/2021 v/v giải trình các nội dung thay đổi trước và sau khi phát hành lại BCTC Riêng lẻ và Hợp nhất năm 2019, năm 2020 được kiểm toán và quý 1 năm 2021 đơn vị tự lập cho Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả năm 2019, 2020 là phù hợp với các thông tin chúng tôi được cung cấp trong quá trình thực hiện kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18... tháng 08... năm 2021
**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế
toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn